

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 354/2025/HS-ST

Ngày: 19/6/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh.

2. Ông Trần Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 339/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Vũ Hữu T, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1992 (tên gọi khác: Không) tại Đồng Nai;

Nơi thường trú: tổ F, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ C, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T1, sinh năm 1964 và bà Võ Thị Thu N, sinh năm 1967; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có ba chị em và chưa có vợ con; Tiền sự: Không.

Tiền án: ngày 28/3/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Bị bắt quả tang ngày 20/01/2025, chuyển tạm giam theo lệnh số 255/LTG-ĐCSMT ngày 24/01/2025 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố B.

(bị cáo có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Vũ Hữu T là người sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 14 giờ ngày 17/01/2025, T đi bộ đến khu vực đường N thuộc tổ C, khu phố D, phường Q, thành phố B gặp đối tượng tên T2 (là người sử dụng ma túy chung với T và chưa rõ nhân thân, lai lịch) đề nhờ T2 đi mua dùm ma túy đá thì T2 đồng ý. T đưa cho T2 số tiền là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) và dặn Tới khi nào mua được ma túy thì mang đến phòng trọ của T tại phòng số 03, nhà trọ không số thuộc tổ C, khu phố D, phường Q rồi T đi về. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T2 đến phòng trọ đưa cho T 01 gói ma túy đá và T đem cất giấu trong phòng để sử dụng dần. Khoảng 08 giờ 40 phút ngày 20/01/2025, Công an phường Q kiểm tra hành chính tại phòng trọ của T thì phát hiện gói ma túy T đang giấu trong giỏ đựng đồ nên Công an phường Q đã lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang đối với T và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng thu giữ của Phạm Vũ Hữu T (đã được niêm phong);

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A06, số IMEI1: 356026212253988, số IMEI2: 358670192253985 là tài sản của Phạm Vũ Hữu T.

Tại Bản kết luận giám định số 164/KL-KTHS ngày 23/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: “mẫu chất màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,3084 gam, loại Methamphetamine”.

Tại Cáo trạng số: **291/CT-VKSBH ngày 17/4/2025**, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Phạm Vũ Hữu T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phạm Vũ Hữu T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Vũ Hữu T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và hối hận về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả hành vi của bị cáo mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận, ngày 20/01/2025, [Phạm Vũ Hữu T](#) đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,3084 gam chất ma túy loại Methamphetamine thì bị [Công an phường Q](#) bắt quả tang và lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an thành phố B](#) điều tra, xử lý; Tại Kết luận giám định số 164/KL-KTHS ngày 23/01/2025 của [Phòng K Công an tỉnh Đ](#) kết luận: “mẫu chất màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,3084 gam, loại Methamphetamine”. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai ban đầu và tất cả tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo [Phạm Vũ Hữu T](#) đã cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Hành vi của bị cáo xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý ma túy. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy bị ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần. Tội phạm ma túy có thể là nguyên nhân gây ra các tội phạm khác nên Nhà nước nghiêm cấm hành vi mua bán, tàng trữ, sử dụng... bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; như vậy thể hiện bị cáo xem thường pháp luật. Xét thấy, hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội nhằm răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 0,2601 gam đựng trong gói niêm phong số 164/KL-KTHS của [Phòng K Công an tỉnh Đ](#) túy không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A06, số IMEI1: 356026212253988, số IMEI2: 358670192253985 là tài sản của bị cáo do không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) đã mua ma túy cho Phạm Vũ Hữu T. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Vũ Hữu T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Vũ Hữu T 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày **20/01/2025**.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 0,2601 gam trong 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật sau giám định số 164/KL-KTHS ngày 23/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ.

- Trả cho bị cáo Phạm Vũ Hữu T 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A06, màu đen, số IMEI1: 356026212253988.

*Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày **04/6/2025** giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Mạnh Tuấn